

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MAI XUÂN PHÚC

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Võ Xuân Tiến

Phản biện 1: TS. Đoàn Gia Dũng

Phản biện 2: TS. Hà Ban

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 11 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Phát triển kinh tế tư nhân là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Những năm gần đây, kinh tế tư nhân đã có những tiến bộ vượt bậc và là nguồn lực to lớn thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển.

Tỉnh Kon Tum, trong quá trình xây dựng phát triển kinh tế đã chú ý đến phát triển kinh tế tư nhân và đạt được những thành tựu nhất định. Đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống, hỗ trợ, bổ sung cho kinh tế Nhà nước, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, kinh tế tư nhân ở Kon Tum vẫn chưa được khai thác thỏa đáng. Vì vậy việc tìm kiếm giải pháp để phát triển mạnh hơn nữa bộ phận kinh tế tư nhân là một yêu cầu bức thiết. Với lý do đó, em chọn đề tài “ Phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum” làm định hướng nghiên cứu cho luận văn cao học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa về mặt lý luận các vấn đề liên qua đến phát triển kinh tế tư nhân.

- Phân tích thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Kon Tum trong thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh Kon Tum trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến việc phát triển kinh tế tư nhân tại tỉnh Kon Tum.

- Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu nội dung phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Kon Tum thông qua các loại hình doanh nghiệp tư nhân, cụ thể: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần.

+ Về không gian: nội dung trên được nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Kon Tum.

+ Về thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn chỉ có ý nghĩa những năm trước mắt.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc; Phương pháp thống kê điều tra, khảo sát, phân tích, tổng hợp, so sánh; Các phương pháp nghiên cứu khác...

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển KTTN.

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tại tỉnh Kon Tum thời gian qua.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian đến trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1. KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ

1.1.1. Khái niệm kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân là bộ phận kinh tế tư nhân, ở đó hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành dựa trên tư liệu sản xuất, lao động, sản phẩm làm ra, kết quả quá trình sản xuất đó thuộc về tư nhân.

1.1.2. Các loại hình doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân

Các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân gồm nhiều loại hình. Trong đó điển hình là doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần.

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp tư nhân là một cá nhân.

Công ty TNHH là doanh nghiệp trong đó các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào doanh nghiệp

Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần

1.1.3. Vai trò kinh tế tư nhân trong nền kinh tế nước ta hiện nay

- Khai thác nguồn lực trong xã hội cho đầu tư vào sản xuất kinh doanh;
- Tận dụng nguyên liệu và lao động;

- Đóng góp sản phẩm, hàng hoá cho xã hội, tăng thu nhập thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế;

- Giải quyết việc làm cho người lao động.

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.2.1. Phát triển số lượng doanh nghiệp

Phát triển số lượng các doanh nghiệp tư nhân là số lượng các doanh nghiệp của kinh tế tư nhân có sự tăng lên đáng kể, năm sau nhiều hơn năm trước.

Phải phát triển số lượng doanh nghiệp kinh tế tư nhân vì đó là nơi tiến hành các quá trình sản xuất, là nơi diễn ra sự kết hợp các yếu tố nguồn lực để tạo ra sản phẩm, sản phẩm hàng hóa cho xã hội

Tiêu chí phản ánh sự phát triển số lượng kinh tế tư nhân:

- Sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp;
- Tốc độ tăng số lượng các doanh nghiệp.

Để phát triển số lượng các đơn vị, doanh nghiệp kinh tế tư nhân bằng cách tạo điều kiện về thủ tục hành chính, tạo điều kiện về tiếp cận nguồn vốn, đất đai, cơ sở vật chất, thị trường để các doanh nghiệp ra đời và phát triển bình thường.

1.2.2. Tăng qui mô các nguồn lực trong từng doanh nghiệp

Tăng qui mô các yếu tố nguồn lực trong từng doanh nghiệp là tăng qui mô của các yếu tố sản xuất, từng nguồn lực sản xuất, ví dụ như: vốn, lao động, diện tích mặt bằng kinh doanh, trình độ công nghệ của máy móc thiết bị...

Phải tăng qui mô các yếu tố nguồn lực của một doanh nghiệp bởi vì các yếu tố *các yếu tố nguồn lực là thành phần cấu thành của quá trình sản xuất. Sản xuất không thể phát triển nếu các nguồn lực không được tăng cường.* Đánh giá qui mô của mô các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp người ta có thể sử dụng chỉ tiêu:

a. *Vốn*

b. *Lao động*

c. *Diện tích mặt bằng kinh doanh*

d. *Về trình độ công nghệ máy móc thiết bị*

e. *Phát triển trình độ quản lý doanh nghiệp*

Để tăng cường các nguồn lực trong từng doanh nghiệp của KTTN cần phải: Tăng cường nguồn lực về vốn; Tăng diện tích mặt bằng kinh doanh cho doanh nghiệp; Nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp; Nâng cao trình độ nhân viên trong doanh nghiệp; Nâng cao công nghệ máy móc và công nghệ thông tin.

1.2.3. Phát triển thị trường

Phát triển thị trường là các doanh nghiệp tìm cách gia tăng sản phẩm trên thị trường và đưa ra các sản phẩm vào thị trường mới. Làm cho thị phần, khách hàng của sản phẩm ngày càng tăng.

Để phản ánh về phát triển thị trường của doanh nghiệp kinh tế tư nhân, người ta có thể dùng một số tiêu chí phản ánh:

- Các thị trường mà doanh nghiệp có thể tham gia;
- Thị phần mà doanh nghiệp chiếm giữ;
- Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thị trường nguyên liệu trong tỉnh, ngoài tỉnh, nhập khẩu, nguyên liệu tự sản xuất ra;
- Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tự sản xuất ra;
- Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thị trường xuất nhập khẩu.

Để phát triển thị trường, Nhà nước phải cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp xúc với thị trường.

1.2.4. Liên kết doanh nghiệp

Liên kết doanh nghiệp là làm cho sự kết hợp giữa các doanh nghiệp được diễn ra chặt chẽ, thường xuyên, rộng lớn hơn.

Hình thành các chuỗi liên kết dọc: Là mối liên hệ liên kết giữa các khâu, các công đoạn: khai thác, chế tạo, lắp ráp, phân phối trong cùng một ngành

Hình thành mối quan hệ liên kết ngang: Liên kết ngang là liên kết giữa các doanh nghiệp cùng loại.

Vì sao phải liên kết giữa các doanh nghiệp, vì mỗi doanh nghiệp có một thế mạnh có một lợi thế nhất định do đó liên kết tạo ra sức mạnh tổng hợp, tạo ra sức cạnh tranh lớn hơn.

Để phản ánh về liên kết của doanh nghiệp kinh tế tư nhân, người ta có thể dùng một số tiêu chí phản ánh: Tỷ lệ liên kết giữa các doanh nghiệp có cùng chức năng; Tỷ lệ liên kết giữa các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất

Để tăng cường liên kết, các doanh nghiệp có thể tham gia các hiệp hội nhằm mở rộng nắm bắt thông tin qua đó thuận lợi cho việc tăng cường các liên kết.

1.2.5. Kết quả và hiệu quả sản xuất

Một yếu tố quan trọng đánh giá sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân đó là sự đóng góp với phát triển kinh tế xã hội biểu hiện qua các tiêu chí cơ bản sau:

- a. Sản phẩm, sản phẩm hàng hóa
- b. Giá trị tổng sản lượng
- c. Doanh thu thuần của doanh nghiệp
- d. Lợi nhuận của doanh nghiệp
- e. Hiệu quả sử dụng vốn doanh nghiệp
- g. Thu nhập bình quân của lao động
- h. Nộp ngân sách Nhà nước
- k. Hiệu quả kinh tế

Để thực hiện mục tiêu phát triển doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân thì không chỉ có những nỗ lực của Nhà nước của Chính quyền các cấp mà còn sự nỗ lực và chủ động của bản thân các doanh nghiệp phải chủ động và làm tốt: *Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh; Thực hiện tốt công tác Marketing*

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

- Về điều kiện tự nhiên: vị trí, điều kiện tự nhiên sẽ giúp DN giảm chi phí đầu vào, đầu ra, chi phí sản xuất kinh doanh...

- Về điều kiện xã hội: Dân số càng đông thì thị trường tiêu thụ càng rộng lớn, thị trường lao động cũng phát triển về số lượng và ngày càng nâng cao chất lượng.

- Về điều kiện kinh tế:

+ Các chính sách của Nhà nước, các cấp chính quyền tác động tới các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hiện nay đã có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

+ Nhân tố thị trường là sự phát triển đồng bộ các loại thị trường như: thị trường hàng hoá dịch vụ, thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường khoa học công nghệ, thị trường bất động sản

+ Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật: hạ tầng kỹ thuật hiện đại hoàn chỉnh như: giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc...

Nhân tố về thông tin: nếu biết sử dụng tốt về thông tin các doanh nghiệp sẽ giảm chi phí cho sản xuất; giảm thấp chi phí bán hàng và chi phí tiếp thị.

1.4. KINH NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI TỈNH KON TUM

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA TỈNH KON TUM ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Kon Tum là tỉnh Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 9.676,5 km² có nhiều tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản thiên nhiên phong phú, có nhiều sông suối.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Dân số tỉnh Kon Tum hiện nay có 430.133 người; Là tỉnh có nhiều người dân tộc thiểu số. Phong tục tập quán vẫn còn lạc hậu; Đa số lao động chưa qua đào tạo.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Cơ cấu kinh tế đến năm 2009, tỷ trọng nông - lâm nghiệp trong GDP giảm còn 44, 41%; công nghiệp - xây dựng tăng lên 21,48%; thương mại-dịch vụ lên 34,11%.

Đến năm 2009 Tổng sản phẩm trên địa bàn của doanh nghiệp tư nhân có giá trị 316,81 tỷ đồng(giá so so sánh) chỉ chiếm 14,52% tổng sản phẩm của cả tỉnh. Trong khi đó kinh tế nhà nước có giá trị 763,19 tỷ đồng chiếm 35%, kinh tế cá thể có giá trị 1089,49 tỷ đồng chiếm 49,96%.

Tính bình quân giai đoạn 2005 – 2009, kinh tế tăng trưởng với tốc độ 14,51%., đây là mức tăng trưởng cao so với khu vực Tây Nguyên và cả nước .

Là một trong những tỉnh nghèo của cả nước nhưng Kon Tum có nhiều tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản thiên

nhiên phong phú, có nhiều sông suối là ưu thế tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở TỈNH KON TUM

2.2.1. Thực trạng về số lượng các doanh nghiệp

Trong giai đoạn từ năm 2005 - 2009 số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng bình quân 32,16% một năm, đây là tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp rất nhanh. Nếu xét năm 2009 so với năm 2005 thì số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng gấp 3,05 lần; Vấn đề trên được thể hiện tại bảng 2.1

Bảng 2.1. Số lượng các doanh nghiệp giai đoạn 2005-2009

Loại hình DN	2005	2006	2007	2008	2009	Tăng BQ (%)
Tổng số DN	313	411	586	756	955	32,16
<i>Trong đó:</i>						
- Công ty TNHH	122	169	263	363	470	40,1
- Công ty cổ phần	31	46	77	109	143	46,55
- DNTN	160	196	246	284	342	20,91

Nguồn: Theo số liệu của Cục thuế tỉnh Kon Tum

Qua bảng 2.1 cho thấy về số lượng doanh nghiệp của loại hình công ty TNHH chiếm đa số với tốc độ tăng bình quân thời kỳ 2005- 2009 là 40,1% , kể đến là loại hình công ty cổ phần có tốc độ tăng nhanh nhất, đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 46,55%. Loại hình doanh nghiệp tư nhân có số lượng nhiều thứ 2 nhưng tốc độ tăng bình quân cả thời kỳ 20,9% năm.

Doanh nghiệp chủ yếu phân bố ở thành phố, năm 2009 số doanh nghiệp ở thành phố Kon Tum chiếm 76% số doanh nghiệp

trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; Số doanh ở các huyện còn lại số lượng doanh nghiệp chỉ chiếm có 24%. Về tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp của thành phố Kon tum cao hơn các huyện khác.

2.2.2. Qui mô các nguồn lực trong từng doanh nghiệp tư nhân ở Kon Tum thời gian qua

Qui mô của doanh nghiệp của các doanh nghiệp thời gian qua tăng không cao, chủ yếu là do một số doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa thành công ty cổ phần nên có vốn và lao động nhiều. Còn chủ yếu qui mô tăng bình thường, cụ thể qua các yếu tố sau.

a. Thực trạng về vốn: vốn chủ sở hữu bình quân các doanh nghiệp nhỏ; vấn đề trên được thể hiện qua bảng 2.2

Bảng 2.2. Vốn chủ sở hữu bình quân một doanh nghiệp các năm qua

Loại hình DN	ĐVT	Năm					Tăng BQ (%)
		2005	2006	2007	2008	2009	
Cty TNHH	Tr đồng	3.023	3.873	7.652	6.126	4.176	8,41
Cty Cổ phần	Tr đồng	1.250	1.378	16.142	15.865	10.543	70,42
DNTN	Tr đồng	1.283	1.396	2.753	2.134	2.207	14,54

Nguồn: Theo số liệu của Cục thuế tỉnh Kon Tum

Qua bảng 2.2 cho thấy Trong giai đoạn 2005-2009 vốn của công ty cổ phần tăng bình quân 1 năm: 70,42%, là loại hình doanh nghiệp tăng trưởng về vốn kinh doanh nhanh nhất

b. Thực trạng về lao động

Số lượng doanh nghiệp tư nhân có số lao động dưới 10 người là chủ yếu chiếm 51,2% tổng số 258 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp có từ 201 đến 300 lao động chỉ chiếm 1,6%; Số doanh nghiệp có trên 300 lao động chỉ chiếm 1,9%. Số lao động qua đào tạo bình quân cho một doanh nghiệp là 13,314 người; số lao động chưa qua đào tạo bình quân của một doanh nghiệp là 26,162

c. Thực trạng về mặt bằng kinh doanh

Đa số doanh nghiệp đều cho rằng khó khăn trong tìm kiếm mặt bằng kinh doanh là thủ tục liên quan đến mặt bằng phức tạp (61,75%), thiếu thông tin thị trường đất đai(59,30%), chi phí mặt bằng cao(59,30%).

d. Thực trạng về trình độ kỹ thuật của máy móc thiết bị

Doanh nghiệp KTTN trên địa bàn tỉnh Kon Tum đa số có trình độ kỹ thuật của máy móc thiết bị ở mức trung bình. Qua khảo sát cho thấy có 3,1% số doanh nghiệp sử dụng công nghệ thô sơ lạc hậu, đa số doanh nghiệp tư nhân đều sử dụng công nghệ trung bình chiếm 51,2 %, công nghệ tiên tiến chỉ chiếm 42,2% và công nghệ hiện đại chỉ chiếm 3,5%.

e. Thực trạng về năng lực trình độ quản lý doanh nghiệp

Trình độ chuyên môn của người điều hành các doanh nghiệp thộc khu vực kinh tế tư nhân tại tỉnh Kon Tum chủ yếu là trình độ trung cấp và cao đẳng 41,9% và trình độ dưới trung cấp là 25,6%, do vậy về trình độ điều hành doanh nghiệp có thể vẫn còn hạn chế.

2.2.3. Thực trạng về phát triển thị trường

a. Thị trường nguyên liệu

Đa số doanh nghiệp được phỏng vấn đều cho rằng thị trường nguyên liệu đa số mua trong tỉnh. Qua khảo sát 258 doanh nghiệp cho kết

quả 80,2% số doanh nghiệp mua trong tỉnh, điều đó chứng tỏ mối giao lưu hàng hóa với nơi khác còn hạn chế.

b. Thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp được phỏng vấn đều cho rằng thị trường tiêu thụ đa số bán trong tỉnh; vấn đề này thể hiện qua bảng 2.3.

Bảng 2.3. Thực trạng thị trường tiêu thụ trong tỉnh của doanh nghiệp năm 2010

Nội dung	Số lượng doanh nghiệp(DN)	Tỷ lệ(%)
Tiêu thụ trong tỉnh	206	79,8
Tiêu thụ ngoài tỉnh	52	20,2
Tổng	258	100

Nguồn: Theo số liệu điều tra của tác giả

Qua bảng 2.3 cho thấy thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp tư nhân ở trong tỉnh gần 80%, chứng tỏ thị trường chưa phát triển

2.2.4 Thực trạng về các mối liên kết sản xuất của các doanh nghiệp tư nhân trong thời gian qua

Liên kết ngang: Số doanh nghiệp có mối liên kết các doanh nghiệp khác trong cùng ngành nghề để không cạnh tranh phá giá mua, bán có mức độ liên kết thường xuyên chỉ chiếm có 8,9 %, rất ít khi liên kết chiếm 40,3% và hoàn toàn không liên kết 50,8%.

Liên kết dọc: Doanh nghiệp có mối liên kết dọc có mối liên kết thường xuyên chiếm 25, 6%, rất ít liên kết 45, 7%, không liên kết 27,9%. Như vậy việc liên kết dọc có tương đối nhưng vẫn còn hạn chế.

Tỷ trọng doanh nghiệp tham gia các hiệp hội vẫn còn rất nhỏ trong tổng số doanh nghiệp khảo sát, chỉ có 2,7% doanh nghiệp tư nhân có tham gia hiệp hội phần lớn doanh nghiệp không tham gia.

2.2.5. Kết quả và hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp tư nhân trong thời gian qua

a. Thực trạng về sản phẩm của doanh nghiệp

Sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp tư nhân tỉnh Kon Tum được thể hiện qua bảng 2.4

Bảng 2.4. Một số sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm					Tăng BQ (%)
		2005	2006	2007	2008	2009	
Sản phẩm khai thác đá, sỏi	1000 m ³	346,2	370	468,4	580,8	902,3	127,06
Sản phẩm tinh bột sắn	tấn	2403	3800	8696	5202	9970	142,72
Sản phẩm giày, dép da	1000 đôi	50	57	61	61	65	106,78
Sản phẩm gỗ xẻ XDCB	m ³	9253	4440	7161	10210	10641	103,56
Sản phẩm gỗ xẻ Xuất khẩu	m ³	363	680	990	1010	980	128,18
Sản phẩm ván ép, ván lạng	m ³	335	1625	2300	2160	1900	154,32
Sản phẩm gạch nung quy thẻ	triệu viên	72	76,1	86,9	141	160,3	122,16
Sản phẩm điện	1000 kw/h	0	0	19000	33115	48700	160,1

Số liệu Cục thống kê tỉnh Kon Tum

Qua bảng 2.4 cho thấy sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp tư nhân tỉnh Kon Tum tuy có phát triển về số lượng nhưng chưa đa dạng và phong phú, tốc độ tăng chưa cao. sản phẩm trên địa bàn chưa thật phong phú, chủ yếu sản phẩm làm ra là do dựa vào thế mạnh tài nguyên, sản phẩm công nghệ cao, giá trị gia tăng nhiều chưa có. Trong đó điện có tốc độ tăng nhanh nhất 160,10%, kế đến là sản phẩm ván ép 154,32%, tinh bột sắn và các vật liệu xây dựng thông thường khác.

b. Thực trạng tổng giá trị sản phẩm của các doanh nghiệp

Năm 2009 giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn của doanh nghiệp tư nhân có giá trị 316,81 tỷ đồng(giá so so sánh) chỉ chiếm khoảng trên 14,52% tổng sản phẩm của cả tỉnh. Trong khi đó kinh tế nhà nước có giá trị 763,19 tỷ đồng. Xét về tốc độ tăng bình quân năm, như sau: Kinh tế Nhà nước tăng bình quân 13,05% năm, kinh tế tư nhân tăng bình quân 33,1% năm, kinh tế cá thể tăng bình quân 11,86% năm. Như vậy về tốc độ tăng trưởng thì doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân tăng cao hơn nhiều so với khu vực kinh tế Nhà nước.

c. Doanh thu của các doanh nghiệp

Doanh thu thuần bình quân một doanh nghiệp của doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng ở mức khá. Xét về doanh thu thì doanh nghiệp cổ phần có doanh thu lớn do qui mô doanh nghiệp lớn và từ một số doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa. Xét về tốc độ tăng doanh thu thì công ty cổ phần tăng nhanh nhất 115,29 % trong 3 loại hình doanh nghiệp

d. Lợi nhuận của các doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế bình quân một doanh nghiệp của doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng ở mức khá. Xét về lợi nhuận bình quân

thì công ty TNHH có lợi nhuận bình quân 1 doanh nghiệp cao nhất. Xét về tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế bình quân một doanh nghiệp thì công ty cổ phần tăng nhanh nhất 147,23 % trong 3 loại hình doanh nghiệp.

e. Thực trạng về hiệu quả sử dụng vốn

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân một doanh nghiệp khu vực tư nhân đạt thấp. tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân doanh nghiệp tư nhân đều thấp hơn 20%. Điều đó cho thấy sử dụng vốn chưa hiệu quả. Trong đó chỉ có công ty TNHH có tỷ suất trên 10% còn các loại hình khác có tỷ suất dưới 10%

Xét về tốc độ tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 1 doanh nghiệp thì công ty TNHH có hiệu quả sử dụng vốn ổn định nhất 100,56 % trong 3 loại hình doanh nghiệp. Như vậy loại hình công ty TNHH là hiệu quả nhất và là loại hình cần khuyến khích trong tương lai.

g. Thực trạng về thu nhập người lao động trong doanh nghiệp

Tiền lương 1 tháng bình quân 1 lao động trong doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng ở mức khá. Xét về tiền lương bình quân thì công ty TNHH có tiền lương bình quân cao hơn các loại hình doanh nghiệp còn lại. Xét về tốc độ tăng tiền lương 1 tháng bình quân 1 lao động thì cả 3 loại hình doanh nghiệp của khu vực tư nhân đồng đều nhau. Như vậy loại hình công ty TNHH có ưu thế hơn trong việc giải quyết thu nhập cho người lao động.

h. Tình hình nộp NSNN của doanh nghiệp khu vực tư nhân

Nộp ngân sách của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum so với thu nội địa chiếm 11,57% chứng tỏ vẫn còn là khu vực có khoản đóng góp chưa lớn vào ngân sách của tỉnh, đến năm 2009 thu

được 89.830 triệu đồng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân năm 32,9% là tốc độ tăng khá cao.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC HẠN CHẾ PHÁT TRIỂN KTTN

2.3.1 Do việc thực thi các chính sách của Đảng, Nhà nước

Chính sách của Nhà nước quy định về vay vốn của doanh nghiệp không có tài sản thế chấp có quy định doanh nghiệp phải lãi trong 2 năm liền là không phù hợp với doanh nghiệp mới thành lập. Những thay đổi thường xuyên của chính sách thuế nội địa và chính sách thuế nhập khẩu, thị trường kém phát triển cũng làm cản trở cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đó là các thị trường vốn, lao động, đất đai...

Thông qua xếp hạng PCI năm 2010 của Việt Nam, chúng ta có thể thấy về xếp hạng tổng sau khi nhân trọng số, chỉ số PCI của Kon Tum năm 2010 xếp loại khá. Tuy nhiên còn một số chỉ số thấp hơn trung vị như: Tính minh bạch của tỉnh Kon tum là 5,21 điểm, trung bình của cả nước là 5,83 điểm; Chi phí thời gian của Kon tum là 5,96 điểm, trung bình của cả nước là 6,33 điểm; Tính năng động của Kon Tum là 3,44 điểm, trung bình của cả nước là 5,26 điểm; Đào tạo lao động của Kon tum là 5,16 điểm, trung bình của cả nước là 5,35 điểm; Trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011- 2015, tỉnh đang phấn đấu đến 2015 sẽ đưa các chỉ số này vượt qua trung vị nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển.

Ngoài ra thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum chưa thật sự tốt, cụ thể qua 268 doanh nghiệp khảo sát có chưa đến 70% doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính chưa thuận lợi cũng đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thuận lợi mới ở mức từ trung bình đến khá. Điều đó chứng tỏ dịch vụ công chưa thật phát triển, vì

vậy phần nào làm ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh.

2.3.2. Khả năng tiếp cận thông tin

Số doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân truy cập thường xuyên trang web của tỉnh chỉ có 9,3 %, số truy cập ở mức độ thỉnh thoảng chiếm 82,6 % và số chưa bao giờ truy cập chiếm gần bằng số thường xuyên truy cập là 8,1%. Doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân có quan tâm nhưng chưa thích đáng đến việc cập nhật thông tin phục vụ cho kinh doanh của doanh nghiệp

2.3.3. Khả năng tiếp cận nguồn vốn

Qua khảo sát 258 doanh nghiệp cho ta thấy khi hỏi về thủ tục vay vốn có 172 doanh nghiệp chiếm 66,7% doanh nghiệp cho rằng chưa hài lòng về thủ tục khi tiếp cận nguồn vốn(trung bình).

Các doanh nghiệp đa số đồng ý với ý kiến có chi phí không chính thức cho việc nhận được nguồn vốn. Như vậy các doanh nghiệp khi vay vốn không chỉ tốn thời gian mà còn tốn chi phí không chính thức.

2.3.4. Các lý do khác

Qua khảo sát 258 doanh nghiệp cho thấy Có đến 85,43 % doanh nghiệp cho rằng thị trường tiêu thụ rất quan trọng, nhưng cụ thể việc mở rộng thị trường bằng cách nào thì doanh nghiệp vẫn còn lúng túng. Có đến 83,88 % doanh nghiệp cho rằng năng lực quản lý rất quan trọng, nhưng cụ thể việc nâng cao năng lực quản lý bằng cách nào thì doanh nghiệp vẫn chưa tìm ra biện pháp gì để nâng cao năng lực quản lý.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG THỜI GIAN ĐẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

3.1 .CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Dự báo sự thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô

3.1.2. Phương hướng phát triển kinh tế tư nhân

a. Xu hướng phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta

b. Phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân của Tỉnh Kon Tum

Tại đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XIV có định hướng về phát triển kinh tế tư nhân: Tạo điều kiện hơn nữa để kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể phát triển.

3.1.3. Một số quan điểm có tính nguyên tắc khi đề ra giải pháp

Một là, hạn chế tối đa tình trạng phân hóa giàu nghèo, ảnh hưởng đến công bằng xã hội.

Hai là, phát triển kinh tế tư nhân không được phá hoại, tác động xấu đến môi trường tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội.

Ba là, phát triển kinh tế tư nhân phải xuất phát từ thực tiễn tình hình của tỉnh Kon Tum, của cả nước và thế giới.

Bốn là, phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của tỉnh .

Năm là, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân đầu tư, kinh doanh.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI KON TUM TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.2.1 Phát triển số lượng các doanh nghiệp

a. Qui hoạch phát triển ngành kinh tế hợp lý, cung cấp đầy đủ thông tin cho doanh nghiệp

Công bố công khai quy hoạch phát triển của tỉnh. Việc cần làm ngay là quy hoạch chi tiết và công khai quy hoạch ngành công nghiệp, giao thông, thương mại, dịch vụ kể cả du lịch, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp nhỏ trên địa bàn huyện, thành phố và chính sách ưu đãi cụ thể để phát triển các ngành đó.

b. Cải cách hành chính

Trước mắt tập trung vào những nội dung chính sau:

Về thể chế hành chính: Thực hiện có hiệu quả mô hình “một cửa”, đặc biệt là thống nhất trình tự “một cửa” từ chủ trương chấp thuận đầu tư - hợp đồng thuê đất - giao đất, cấp giấy chứng chỉ quy hoạch và giấy phép xây dựng (hiện nay đang là khâu yếu nhất).

Về đội ngũ cán bộ: Tăng cường công chức cho bộ phận một cửa. Giảm các chi phí khởi nghiệp và vận hành kinh doanh

c. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ra đời và phát triển

Tăng cường các hoạt động hỗ trợ của chính quyền đối với doanh nghiệp KTTN với các giải pháp sau:

- Xây dựng các chương trình và chính sách hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của tỉnh
- Có chương trình quản lý hữu hiệu các doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh.

d. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh

Đầu tư của KTTN ngày càng trở nên quan trọng đối với việc giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Thời gian qua tỉnh đã nỗ lực đầu tư cơ sở hạ tầng như mặt bằng sản xuất, vận tải,

điện, nước phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Tinh cần tập trung quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp nhỏ một cách hợp lý ở các huyện để có mặt bằng kinh doanh cho các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ thuê hoạt động.

e. Hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực

Bồi dưỡng, phát triển năng lực quản lý chiến lược và tư duy chiến lược cho đội ngũ giám đốc và cán bộ kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Kon Tum thành lập trung tâm đào tạo nghề: cần đẩy mạnh xây dựng đầu tư các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề theo quy mô thành phố, huyện trên cơ sở nguồn lực thực tế của địa phương để đào tạo nghề cho người lao động, nên tư vấn miễn phí cho họ về ngành nghề để khắc phục tình trạng thừa thầy thiếu thợ như hiện nay.

Tiến hành tổng kết, đánh giá hiệu quả thực tiễn công tác đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

g. Tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh

Đẩy nhanh công tác quy hoạch sử dụng đất cho các xã, phường, thị trấn, cũng như công tác cấp giấy CNQSD đất, nhất là đất ở đô thị, thực hiện triệt để việc giao đất lâu dài cho người sử dụng đất tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho người sử dụng đất (trong đó có doanh nghiệp) yên tâm bỏ vốn đầu tư sản xuất lâu dài vào mảnh đất của họ, tăng niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đầu tư trên địa bàn tỉnh.

h. Tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn

- Tạo điều kiện thuận lợi cho KTTN trong sử dụng tài sản, quyền sử dụng đất để thế chấp khi vay vốn

- Tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực KTTN vay được nhiều hơn các nguồn tín dụng thương mại chính thức.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong việc cho vay.

- Tạo điều kiện cho khu vực KTTN sử dụng được nhiều hơn nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

- Giảm bớt các thủ tục về đầu tư và xây dựng, đấu thầu, thủ tục cho vay.

- Mở rộng và phát triển các quỹ tín dụng nhân dân ở các huyện.

Hàng năm, cần tiến hành tổng kết và đánh giá hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh để từ đó nhân rộng mô hình hoạt động có hiệu quả

3.2.2. Tăng cường các nguồn lực trong từng doanh nghiệp tư nhân

Tăng cường nguồn lực tài chính: Một chiến lược tài chính có độ chính xác cao sẽ giúp DN chủ động trong việc huy động vốn kinh doanh, đặc biệt là vốn lưu động.

Nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy: Công tác nhân sự bao gồm phát triển nguồn lực, đào tạo, đánh giá lực chọn, thuê mướn lao động, quan hệ với các hiệp hội chuyên ngành...

Xây dựng đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp: Khi tối đa hoá lợi nhuận được thực hiện song hành với tối đa hoá thoả dụng của người tiêu dùng và tối ưu hoá phúc lợi xã hội, doanh nghiệp đã xây dựng cho mình nền móng vững chắc để trường tồn trong môi trường cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thị trường.

Nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp: muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thương trường thì chính bản thân các giám đốc và cán bộ quản lý

doanh nghiệp cần tăng cường đầu tiên là về quản trị kinh doanh. **Nâng cao trình độ nhân viên trong doanh nghiệp:** việc nâng cao trình độ các nhà quản lý phải được đưa vào kế hoạch và tiến hành ngay. Tùy theo yêu cầu của mỗi ngành nghề mà bồi dưỡng những năng lực khác nhau.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin

Đồng thời với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước mà tỉnh đang thực hiện, cần có chính sách hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin.

3.2.3. Phát triển thị trường

Trong thời gian đến việc xây dựng đồng bộ các thị trường bộ phận ở Kon Tum:

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội ở các thành phố lớn khác đến đặt chi nhánh tại Kon Tum;

- Nâng cao nhận thức về phát triển thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh cho cán bộ lãnh đạo chính quyền các cấp.

3.2.4. Tăng cường liên kết doanh nghiệp

Về phía doanh nghiệp: Chủ động nhận thức việc liên kết tăng cường sức cạnh tranh trong môi trường hội nhập kinh tế thế giới, tránh cạnh tranh không lành mạnh thua trên sân nhà.

Để thực hiện tốt việc liên kết, Tỉnh cần quan tâm chỉ đạo:

- Tăng cường giúp đỡ các Hội doanh nghiệp trẻ, Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tăng cường vai trò của các hội doanh nghiệp trên địa bàn đối với sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp KTTN.

Ngoài các hiệp hội doanh nghiệp đã có, cần khuyến khích thành lập các hội ngành nghề thuộc các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, nông - lâm - thủy sản... để từ đó có sự hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp

3.2.5. Tăng kết quả, hiệu quả kinh doanh

Để thực hiện mục tiêu phát triển doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân thì không chỉ có những nỗ lực của Nhà nước của Chính quyền các cấp mà còn sự nỗ lực và chủ động của bản thân các doanh nghiệp

a. Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh

Cần xác định mục tiêu, điểm mạnh, yếu; nhận biết được cơ hội và nguy cơ tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:

- Xác định mục tiêu của doanh nghiệp;
- Phân tích môi trường bên ngoài và bên trong doanh nghiệp;
- Xây dựng chiến lược dựa trên cơ sở phân tích được cơ hội

và nguy cơ tác động đến hoạt động của doanh nghiệp.

b. Thực hiện tốt công tác Marketing

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, DN cần xây dựng một chiến lược marketing hợp lý và phù hợp giúp cho sản phẩm và dịch vụ có thể đến tay người tiêu dùng và kích thích người tiêu dùng mua hàng hoá của DN.

* Về sản phẩm: doanh nghiệp phải tính toán làm sao để kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm như cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng của sản phẩm.

* Về giá bán: doanh nghiệp phải đưa ra được giá bán phù hợp với từng thời kỳ để không phải bị động. Ngoài ra, doanh nghiệp cần phải có chiến lược giá bán thích hợp với từng thời gian, từng thời kỳ.

* Về phân phối: sản phẩm được phân phối qua 2 kênh trực tiếp và gián tiếp, tỷ lệ như thế nào thì tùy thuộc vào chi phí và mức độ thâm nhập thị trường của mỗi kênh.

* Chiến lược chiêu thị: các doanh nghiệp KTTN thường sử dụng các biện pháp chiêu thị như chiết khấu và hoa hồng. Tăng cường quảng bá về các hoạt động tư vấn và dịch vụ phụ trợ để thu hút khách hàng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Qua toàn bộ phần trình bày trên đây, cho phép luận văn rút ra một số kết luận như sau:

Trong thời gian đến, để phát triển kinh tế tư nhân, bên cạnh việc các doanh nghiệp cần phải nỗ lực đổi mới, hoàn thiện mình cho phù hợp với sự phát triển chung của toàn tỉnh, thì Chính quyền tỉnh cần có đột phá mạnh dạn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, bất cập đang tồn tại trong thực tiễn quản lý liên quan đến khu vực kinh tế tư nhân nhất là về đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh, thủ tục hành chính, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực...

Kiến nghị

Tại Thông tư 93/2011/TT-BTC của Bộ tài chính về thu tiền sử dụng đất có trường hợp các cơ quan quản lý Nhà nước tham mưu làm mất nhiều thời gian chờ phê duyệt. Vì vậy kiến nghị Bộ tài chính nên xem xét sửa Thông tư này cho phù hợp.

Ngoài ra, tại thông tư liên tịch 30/2005 TTLT/ BTC-TNMT ngày 18/04/2005 của Bộ tài chính và Bộ tài nguyên môi trường qui định trình tự luân chuyển hồ sơ giữa cơ quan thuế và cơ quan tài chính (Sở tài chính). Vì vậy kiến nghị liên Bộ tài chính, Bộ tài nguyên môi trường nên xem xét sửa Thông tư này cho phù hợp.